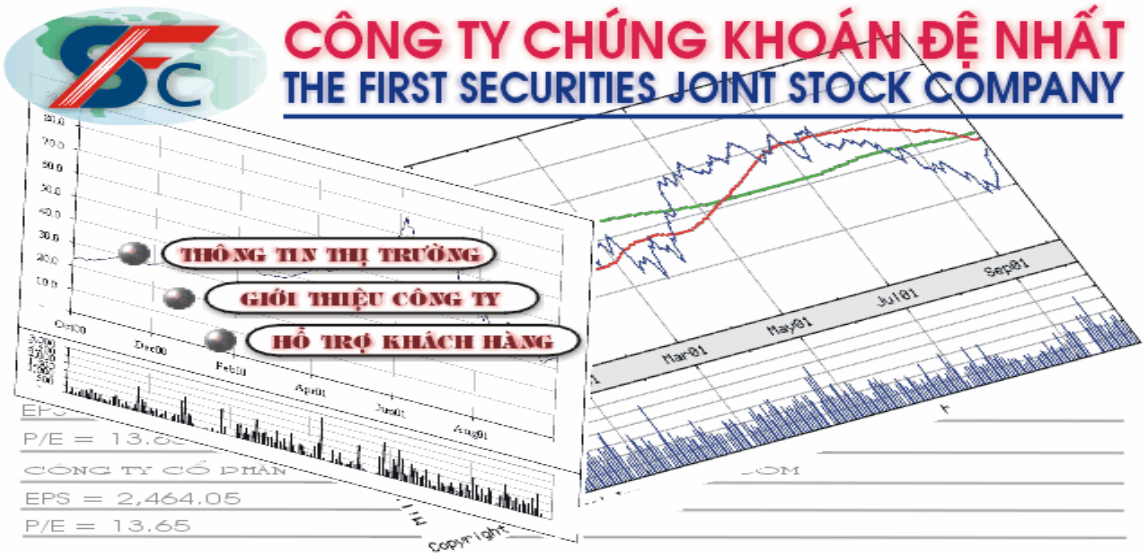

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2011

- **Công Ty Chứng Khoán Đệ Nhất.**

Số 9, Hoàng Văn Thụ , Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một ,Tỉnh Bình Dương

Điện Thoại : (0650) 832614-832615

Fax : (0650) 832616

Email :ctydenhat@yahoo.com

- **Chi Nhánh Công Ty Chứng Khoán Đệ Nhất tại T P Hồ Chí Minh**

Số 521 Đường Hồng Bàng ,Phường 14, Quận 05, TP Hồ Chí Minh .

Điện Thoại : (08) 8537923

Fax : (08) 8537932

Web : htttp \\www.fsc.com.vn

- **Công Ty Chứng Khoán Đệ Nhất Chi Nhánh Hà Nội**

Lầu 3, Số 81-83 Đường Lò Đúc , Quận Hai Bà Trưng . Hà Nội.

Điện thoại: (04)3 972 8302 ~ 3 972 8307 fax: (04)3 972 8301

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Do yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước , từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt nam ; Tỉnh Bình Dương là một trong số các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam đã đặc biệt quan tâm đến việc hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán . Vì vậy dưới sự chỉ đạo của Uỷ Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương , Công Ty BECAMEX (tiền thân của Công Ty TNHH một thành viên BECAMEX IDC hiện nay) đã thành lập Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất (vốn điều lệ ban đầu 43 tỷ đồng) với vai trò cổ đông sáng lập theo giấy phép thành lập số 249/ GP-UB ngày 18/10/1999 của Uỷ Ban Nhân dân Tỉnh Dương ,giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999. Ngày 08/04/2010 , Công ty được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 04/GPHDKD. Lễ trao giấy phép cho hai công ty chứng khoán đầu tiên ở phía nam là Đệ Nhất FSC và SSI được tiến hành trọng thể ngày 12/04/2000 tại Trụ sở Ngân hàng Nhà nước TP HCM.

2. Quá trình phát triển:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Môi Giới Chứng Khoán
- Tư Vấn đầu tư chứng khoán

- Bảo lãnh phát hành
- Tự Doanh
- Các dịch vụ tư vấn tài chính khác .

2.2 Tình hình hoạt động:

- Tháng 07 năm 2000 Công ty chính thức trở thành thành viên Trung Tâm Giao dịch chứng khoán TP HCM (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM) theo quyết định số 04/ QĐTV-TTGD4 ngày 19/07/2000.
- Ngày 07/02/2001 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh theo quyết định số 06/2001/QĐ-UBCKNN.
- Ngày 27/12/2006 được UBCKNN chấp thuận việc chuyển nhượng 28,10% vốn cho Công Ty Yuanta Securities Asia Financial Services LTD theo quyết định số 842/ QĐ-UBCK .
- Ngày 29/12/2006, Công ty trở thành thành viên của Trung Tâm Giao dịch chứng khoán Hà nội (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội) theo quyết định số 121/ QĐ-TTGDHN.
- Ngày 05/06/2007 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng theo quyết định số 350/QĐ-UBCK ngày 05/06/2007.
- Ngày 13/10/2008 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng theo quyết định số 158/ UBCK -GP.
- Ngày 09/08/2010 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 648/QĐ-UBCK.
- Ngày 30/03/2011 được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ chứng khoán trực tuyến theo quyết định số 281/QĐ-UBCK.

3. Định hướng phát triển

3.1 .Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Giá trị cốt lõi mà công ty cung cấp cho khách hàng tập trung qua slogan **Trung Thực – Bảo Mật – Chuyên nghiệp**

3.2 .Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

3.2.1 Trung hạn :

- Thực hiện nhiệm vụ chính trị : cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bình Dương nói chung và các doanh nghiệp trong hệ thống BECAMEX Group nói riêng .
- Kiện toàn hệ thống tại TPHCM, Hà Nội Bình Dương trong đó chú trọng chất lượng dịch vụ , gắn bó lợi ích công ty với lợi ích khách hàng , không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá.

3.2.2 Dài hạn :

- Mở rộng hệ thống tại các Tỉnh thành .
- Mở rộng hợp tác , liên doanh liên kết, tận dụng sự hỗ trợ của cổ đông nước ngoài là tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp để nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đủ sức cạnh tranh với các Cty Chứng khoán nước ngoài vào năm 2013.Tận dụng hỗ trợ của Công Ty mẹ BECAMEX IDC và các thành viên trong BECAMEX Group để nâng cao năng lực hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Cạnh tranh lành mạnh , tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông .

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Năm 2011, kinh tế-xã hội nước ta tiếp tục đối mặt với hàng loạt khó khăn và thách thức lớn : tỷ lệ lạm phát bình quân cả năm là 18,58% (cao hơn năm 2010 là11,75%), tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,89% (thấp hơn năm 2010 là 6,78%) trong khi lãi suất cho vay của ngân hàng tăng cao (có lúc trên 22%) khiến các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khó khăn về vốn kinh doanh. Thêm vào đó , để đối phó với lạm phát : chính phủ đã có những quyết sách vĩ mô lớn như nghị quyết 11 về thắt chặt chính sách tiền tệ, hạn chế tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng , nói không với bất động sản và chứng khoán đã làm cho tình hình thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động của các Công ty chứng khoán gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều công ty chứng khoán tham gia niêm yết trên các sàn giao dịch công bố tình hình hoạt động với số lỗ khủng từ hoạt động tự doanh do thị trường suy giảm kéo dài , hoạt động môi giới cũng không khá hơn do nhà đầu tư lần lượt rời bỏ thị trường để lại số nợ vay từ hoạt động Magrin không có khả năng thu hồi cho các công ty chứng khoán xử lý.Các dịch vụ hỗ trợ khác cũng không giúp các công ty chứng khoán cải thiện tình hình tài chính khi cả thị trường đi xuống , giá chứng khoán rẻ nhưng không ai mua, tâm lý bi quan bao trùm ,nỗ lực đưa sản phẩm mới hầu như không tác dụng kích thích thị trường

Trong bối cảnh chung như thế , HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành :

- Cơ cấu lại các khoản đầu tư , thanh lý các khoản đầu tư lướt sóng kiếm lời , giữ lại cổ phiếu các công ty có tiềm năng tăng trưởng dài hạn .
- Tăng cường quản lý rủi ro trong hoạt động môi giới: đôn đốc thu hồi nợ từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh, giám sát chặt chẽ biến động trên các TK khách hàng hàng tuần để có biện pháp xử lý , phân định trách nhiệm giữa các bộ phận nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro.
- Giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại trong kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC (Đơn vị tính : VNĐ)	Năm 2011	Năm 2012
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	735.846.331	(17.098.885.296)
Cổ tức đã trả trong năm	24.464.678.000	0
Cổ tức công bố nhưng chưa trả cuối năm	-	0
Lợi nhuận chưa phân phối	3.202.162.949	(17.098.885.296)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành báo cáo tài chính cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ sách kế toán phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào. Ban Tổng Giám đốc cũng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký và chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HĐQT phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

1. *Báo cáo tình hình tài chính:*

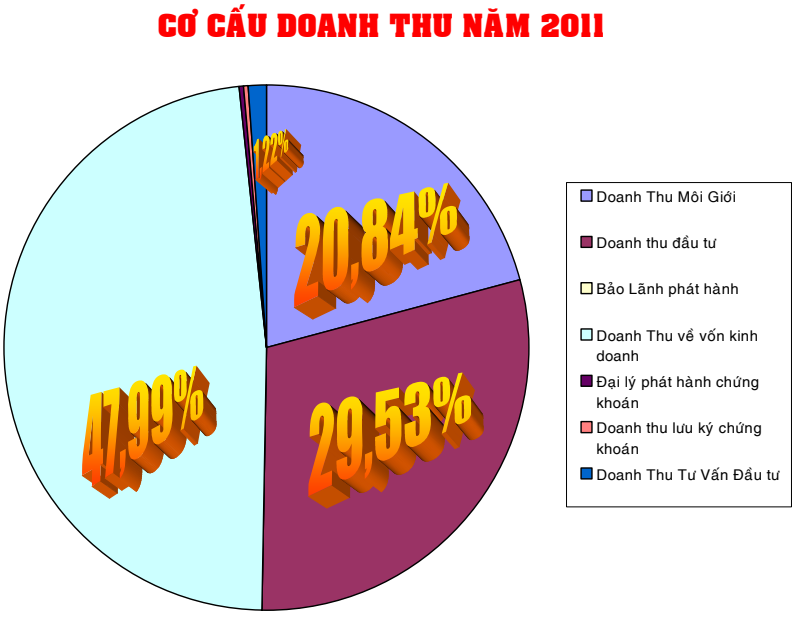

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

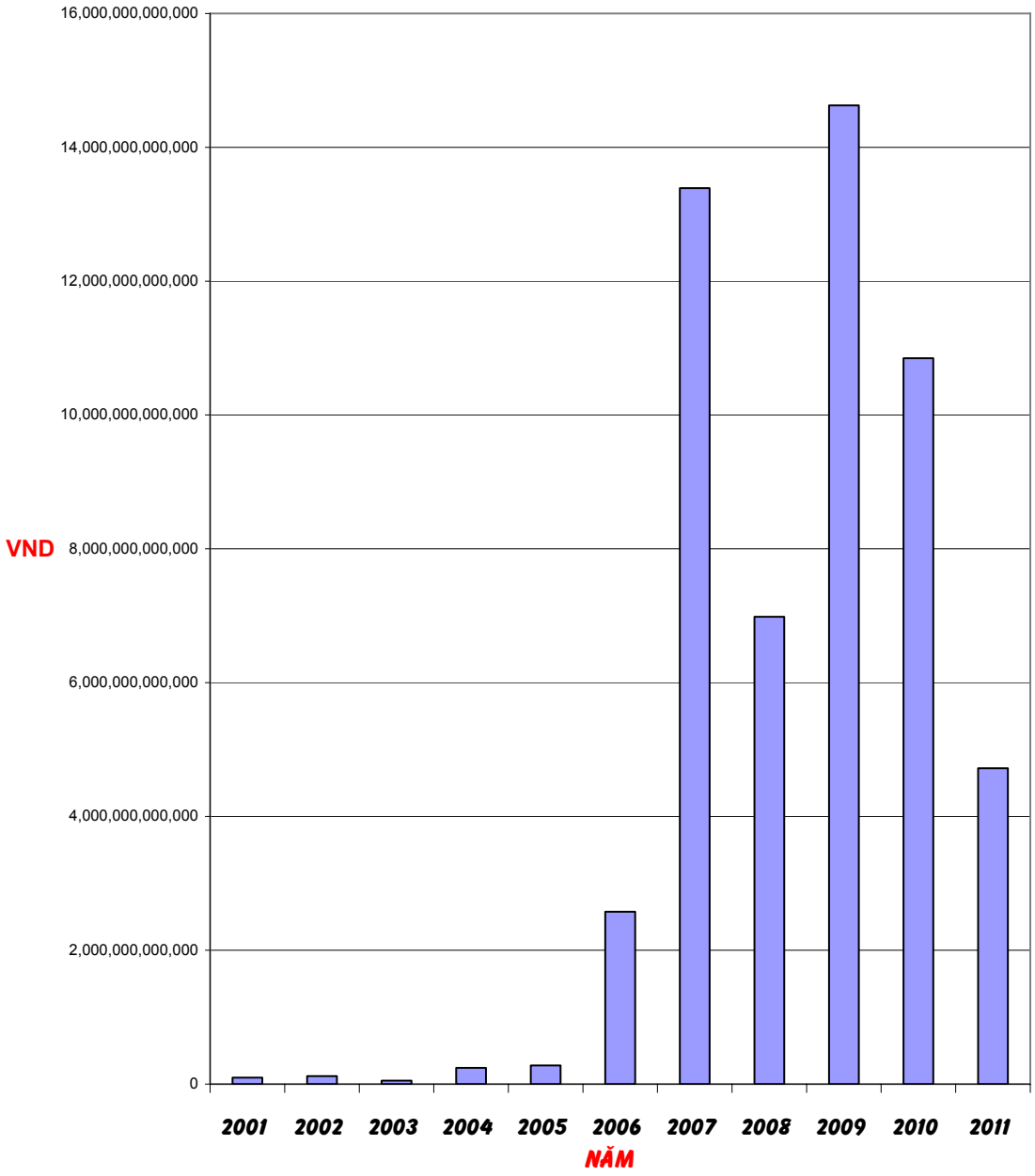

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

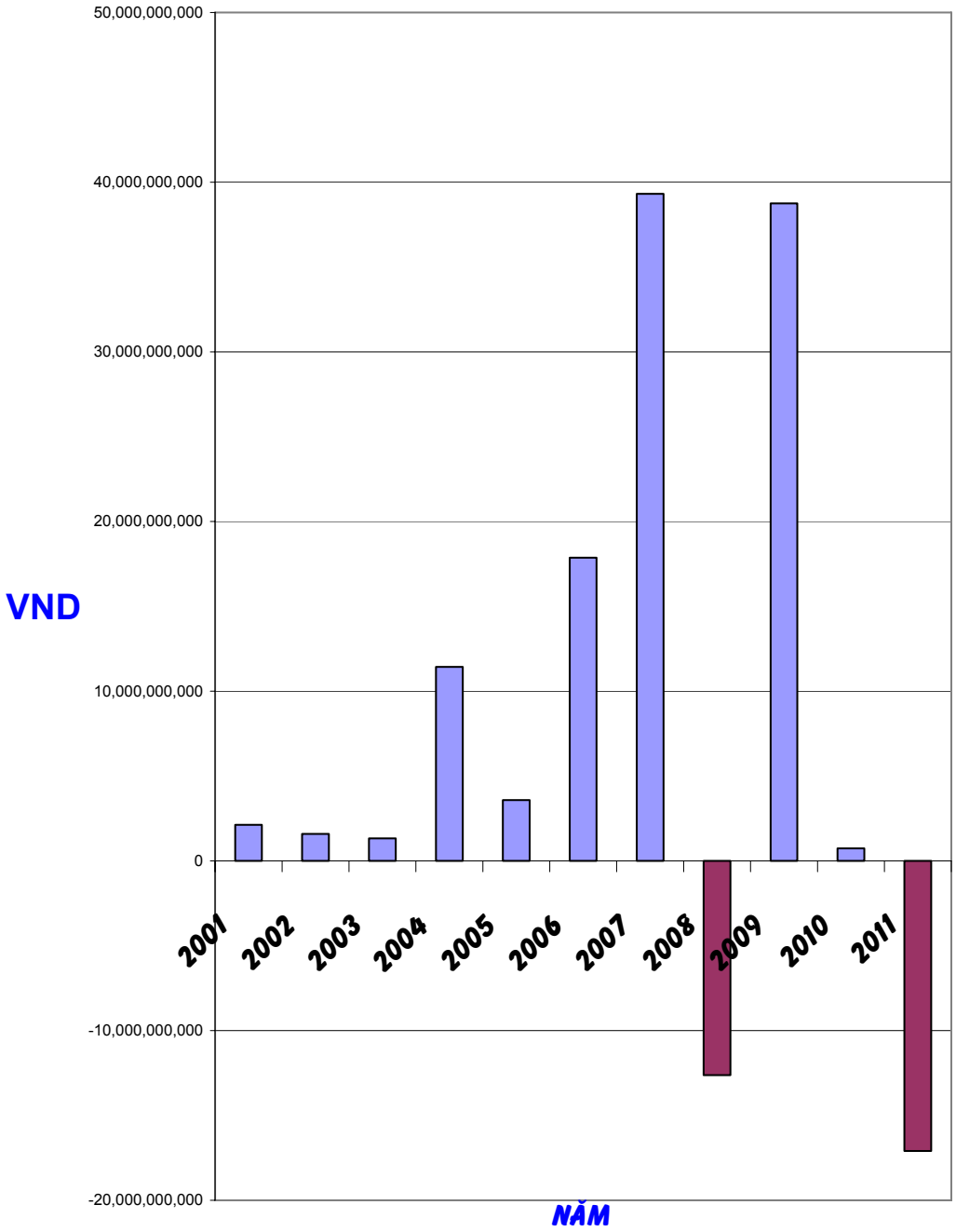

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến 31/12/2011: 30.000.000 cổ phần .

- Book value tại thời điểm 31/12/2011: 9.943 đ/ cp

- Tỷ lệ vốn khả dụng đến 31/12/2011: 220%

- Dự phòng giảm giá CK đến ngày 31/12/2011: 28.001.254.280 đồng.

- Chênh lệch giá thị trường cao hơn giá vốn chứng khoán vào ngày 11/01/2012 đã mua nhưng chưa bán là 9.088.274.690 đồng chưa được ghi nhận vào báo cáo và cũng không trừ vào khoản trích dự phòng giảm giá CK nêu trên.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động năm 2010:

a) Về Môi giới :

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011, giá trị giao dịch của khách hàng được thực hiện qua Công Ty là 4.602.588.096.200 đồng (43,23% so với năm 2010).Tổng phí môi giới thu được toàn Công ty là 9.571.702.154 đồng(42,88% so với năm 2010).

Tính đến thời điểm 31/12/2011, số lượng tài khoản khách hàng của toàn Công Ty là 7.019 tài khoản (tăng 21,29% với năm 2010), số tiền ký quỹ giao dịch đến ngày 31/12/2011 là 20.558.696.830đồng (26,15%% so với năm 2010) , tổng số lượng chứng khoán lưu ký là 118.739.533 cổ phiếu (tăng 118,48% so với năm 2010).

b) Về Tự doanh : trong năm 2011, tổng giá trị giao dịch mua bán tự doanh là 116.841.835.000 đồng (70,98% so với năm 2010), thu lãi và các khoản thu nhập từ đầu tư cổ phiếu (cổ tức, cổ phiếu thưởng) là 13.563.238.027 đồng (53,43% so với năm 2010).

c)Về các hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn khác : chủ yếu một số hợp đồng tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quản lý sổ cổ đông , tư vấn phát hành thêm cổ phiếu cho các cty với doanh thu 560.182.000 đồng (bằng 64,50% so với năm 2010) .

d)Doanh thu khác :

Chi tiết	*Năm nay*	*Năm trước*
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.653.560.939	11.358.489.439
Phí ứng trước cho nhà đầu tư	5.082.251.965	643.065.245

Phí thu từ hoạt động tài trợ chứng khoán	595.158.351	571.671.305
Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	378.651.781	137.466.393
Thu nhập từ hoạt động uỷ thác đầu tư	333.593.494	-
TỔNG CỘNG	**22.043.216.530**	**12.710.692.382**

Ngay từ những tháng đầu năm 2011, trước những diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán : đại hội cổ đông đã không đặt chỉ tiêu lợi nhuận mà chỉ yêu cầu Ban điều hành tập trung bảo toàn vốn, giảm thiểu thiệt hại.Qua các số liệu nêu trên đã phản ánh hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm :doanh thu môi giới giảm một nửa so với năm 2010 trong lúc chi phí không giảm do yếu tố lạm phát, chi phí tự doanh tăng cao do việc trích dự phòng cuối năm . Tính đến 31/12/2011 số lỗ 17.098.885.296 đồng trong báo cáo tài chính đã được công ty Ernt Young kiểm toán với ý kiến chấp thuận không ngoại trừ đã phản ánh toàn bộ thiệt hại của Công ty trong năm .

Tuy hoạt động kinh doanh bị lỗ nhưng tính đến 31/12/2011, công ty không có dư nợ ngân hàng ,các rủi ro trong hoạt động tự doanh đã được trích dự phòng đầy đủ , các khoản nợ xấu từ hoạt động hợp tác kinh doanh , ứng trước tiền bán chứng khoán , nợ của nhân viên đã được phản ánh hết vào chi phí hoạt động, tình hình tài chính của Công ty luôn đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu vốn khả dụng do Uỷ ban chứng khoán nhà nước yêu cầu, đối với hoạt động khác công ty luôn tìm kiếm cơ hội sinh lợi tốt nhất .Trong năm công ty đã thực hiện các hợp đồng tư vấn hỗ trợ các đơn vị thành viên trong BECAMEX Group phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công (IJC từ 547 tỷ lên 3.000 tỷ , TDC từ 200 tỷ lên 1.000 tỷ,ACC từ 60 tỷ lên 100 tỷ) trong điều kiện thị trường hết sức khó khăn . Đây là sự đóng góp đáng kể vào sự lớn mạnh của tập đoàn , ngoài ra thành công này đã từng bước tạo dựng tiềm năng cho hoạt động môi giới khi số cổ phiếu phát hành thêm được lưu ký và giao dịch qua công ty.

Về quan hệ với khách hàng : trong thời gian khó khăn nhất của thị trường, công ty đã thực hiện đúng tiêu chí hoạt động : **Uy tín , trung thực và bảo mật** , quan tâm hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn, chia sẻ lợi ích và không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá và nên được khách hàng đánh giá cao, cá biệt nhiều khách hàng từ chỗ đánh giá thấp về năng lực tài chính của Công ty đối với các giao dịch ký quỹ , hợp tác kinh doanh đã nhìn nhận ra giá trị cốt lõi mà công ty đã chọn và cung cấp cho khách hàng. Tuy thị phần của Công ty nhiều năm qua không lọt vào top 10 của các Sở Giao dịch nhưng với sự so kè

của hơn 100 Công ty chứng khoán , con số từ 1,4 đến 2% thị phần luôn là mong muốn của nhiều Công ty khác.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Là một trong số các Công ty chứng khoán đầu tiên đi vào hoạt động cùng với thị trường chứng khoán Việt nam : công ty đã có nhiều bước đột phá tiên phong trong việc vận dụng các nghiệp vụ chứng khoán vào điều kiện hoạt động thực tiễn . Công ty đã xây dựng các quy trình nghiệp vụ chuẩn mực , triển khai việc định giá các dự án BOT đầu tiên của Việt nam để cổ phần hoá, thực hiện quản lý sổ cổ đông cho các doanh nghiệp bằng phần mềm quản lý ,triển khai nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán cho các doanh nghiệp từ những ngày sơ khai của thị trường .Có thể nói qua hơn 10 năm hoạt động, đội ngũ chuyên viên tư vấn của Công ty đã tích luỹ nhiều kinh nghiệm, có mối quan hệ tốt với các đối tác , các bên liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư.Bộ máy điều hành của Công ty ổn định nên tiêu chí kinh doanh được xuyên suốt , phục vụ khách hàng tốt nhất nhưng không chạy theo lợi nhuận đơn thuần .

- Trong năm 2011: trước tình hình rủi ro trong hoạt động môi giới (chủ yếu về việc sử dụng đòn bẩy tài chính từ ngân hàng mẹ) xảy ra với mức độ nghiêm trọng tại các Cty chứng khoán khác , Công ty đã chấn chỉnh từng bước công việc quản lý rủi ro, giám sát chặt chẽ các biến động trên tài khoản khách hàng có sử dụng nghiệp vụ hợp tác đầu tư với công ty .Qua đó đã phát hiện một số trường hợp sai sót của nhân viên môi giới và có hướng xử lý phù hợp không làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty .

-Trong năm 2011, Công ty đã từng bước mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp thông qua việc nhận uỷ thác đầu tư . Kết quả thực hiện (có lãi) trong tình hình thị trường đi xuống đã nâng cao uy tín của công ty với các đối tác .

4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới :

Từ ngày thành lập đến nay thị trường chứng khoán Việt nam đã trải qua nhiều đợt thăng trầm . Tuy nhiên vào thời điểm cuối năm 2011 thị trường chứng khoán thế giới trong đó có Việt nam trải qua những thử thách hơn bao giờ hết .Tỷ lệ lạm phát cao ,tỷ giá ngoại tệ tăng, lãi suất ngân hàng tăng nhanh đã làm hiệu quả hoạt động các DN niêm yết bị sụt giảm nặng nề. Tính thanh khoản của thị trường sụt giảm nhanh chóng , nhiều nhà đầu tư đã rời bỏ thị trường , các doanh nghiệp không thể huy động vốn qua thị trường . Nhiều doanh nghiệp tính đến phương án huỷ niêm yết.Nhiều công ty chứng khoán đóng cửa các chi nhánh , rút nghiệp vụ , huỷ bỏ tư cách thành viên . Có Công ty chứng khoán dự định bỏ nghiệp vụ môi giới trong lúc có hàng ngàn tỷ

đồng tiền mặt để chuyển sang doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề để tồn tại , nhiều vụ vỡ nợ, cháy tài khoản khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính được đưa ra trên các phương tiện thông tin đại chúng, việc lừa đảo , tranh chấp sử dụng tiền trên các tài khoản ..vv...rất phức tạp đã xảy ra, có công ty huy động vốn chuyển cho đối tác để kinh doanh thì đối tác bỏ trốn (công ty Bêta - Bộ Quốc Phòng) khiến cổ đông và các doanh nghiệp có quan hệ lâm vào nguy cơ phá sản .

Trong bối cảnh đó việc duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn , giảm thiểu tối đa các khoản thiệt hại là một thành công lớn đối với ban điều hành thời gian qua. Tuy nhiên trong khó khăn cũng là lúc xuất hiện những cơ hội nên ban điều hành cùng tập thể CBCNV công ty kiên định với những chiến lược dài hạn của Công ty đã đề ra.

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**341.936.451.970**	**388.399.056.906**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	*4*	***176.255.083.083***	***218.151.927.977***
111	1. Tiền		176.255.083.083	218.151.927.977
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***		***68.107.711.910***	***91.836.400.190***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	96.108.966.190	118.067.675.515
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(28.001.254.280)	(26.231.275.325)
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	*8*	***95.003.561.808***	***75.008.965.982***
131	1. Phải thu của khách hàng		-	15.011.000
132	2. Trả trước cho người bán		360.866.000	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		2.539.586.433	41.679.560.649
138	5. Các khoản phải thu khác		98.190.742.818	33.314.394.333
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.1	(6.087.633.443)	-

140	*IV. Hàng tồn kho*		-	-
150	*V. Tài sản ngắn hạn khác*		*2.570.095.169*	*3.401.762.757*
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		466.084.965	400.252.553
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	1.937.042.871	1.937.042.871
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	166.967.333	1.064.467.333

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**73.747.677.553**	**64.406.180.285**
210	*I. Các khoản phải thu dài hạn*		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	*II. Tài sản cố định*		*15.074.583.151*	*19.256.558.095*
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	11.400.776.873	14.134.369.205
222	*- Nguyên giá*		24.583.374.497	24.407.214.897
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		(13.182.597.624)	(10.272.845.692)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	*- Nguyên giá*		-	-
226	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3.673.806.278	5.122.188.890
228	*- Nguyên giá*		7.241.913.031	7.241.913.031
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		(3.568.106.753)	(2.119.724.141)
230	4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	*III. Bất động sản đầu tư*		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế		-	-
250	*IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*		*53.261.004.600*	*41.122.720.600*
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư vào chứng khoán dài		-	-

	hạn			
254	*- Chứng khoán sẵn sàng để bán*		-	-
255	*- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn*		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác	6.2	53.261.004.600	41.122.720.600
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***5.412.089.802***	***4.026.901.590***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	213.714.597	341.943.345
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	5.198.375.205	3.684.958.245
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**415.684.129.523**	**452.805.237.191**

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**117.414.820.645**	**137.437.043.017**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***115.414.820.645***	***137.437.043.017***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		289.440.080	53.490.000
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	113.834.122	617.031.234
315	5. Phải trả người lao động		404.459.998	752.656.431
316	6. Chi phí phải trả		-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	37.462.179.982	120.320.416.591
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		51.736	51.736
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		198.880.602	188.133.021
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.060.485.970	1.066.235.970
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
328	13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	75.885.488.155	14.439.028.034
329	14. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.000.000.000***	-

331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	-
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**298.269.308.878**	**315.368.194.174**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***298.269.308.878***	***315.368.194.174***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.764.946.682	5.764.946.682
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.476.767.343	5.476.767.343
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. (Lỗ luỹ kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.896.722.347)	3.202.162.949
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**415.684.129.523**	**452.805.237.191**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
001	**1. Tài sản cố định thuê ngoài**	-	-
002	**2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ**	62.046.000.000	-
003	**3. Tài sản nhận ký cược**	-	-
004	**4. Nợ khó đòi đã xử lý**	-	-

005	**5. Ngoại tệ các loại**	**1.458**	**1.458**
006	**6. Chứng khoán lưu ký**	**1.187.395.330.000**	**1.002.185.990.000**
	Trong đó:		
007	*6.1. Chứng khoán giao dịch*	*1.137.932.940.000*	*916.980.530.000*
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	44.425.050.000	43.321.930.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	999.305.620.000	798.153.270.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	94.202.270.000	75.505.330.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	
012	*6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*	*24.518.580.000*	*31.187.920.000*
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	24.518.580.000	31.187.920.000
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	*6.3. Chứng khoán cầm cố*	*11.940.000.000*	*26.369.000.000*
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	11.940.000.000	26.369.000.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	*6.4. Chứng khoán tạm giữ*	-	-
023	6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
024	6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	-
025	6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	-
026	6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
027	*6.5. Chứng khoán chờ thanh toán*	*11.701.600.000*	*23.677.100.000*
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	458.000.000	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	10.154.600.000	22.169.100.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	1.089.000.000	1.508.000.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-

032	*6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút*	-	-
033	6.6.1. Chứng khoán phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
034	6.6.2. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
035	6.6.3. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
036	6.6.4. Chứng khoán phong toả chờ rút của tổ chức khác	-	-
037	*6.7. Chứng khoán chờ giao dịch*	*1.302.210.000*	*3.971.440.000*
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	1.350.000	420.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	1.286.580.000	3.727.320.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	14.280.000	243.700.000
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	*6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay*	-	-
043	6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	-	-
044	6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	-	-
045	6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	-	-
046	6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	-	-
047	*6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch*	-	-
050	**7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết**	**83.525.830.000**	**-**
	Trong đó:		
051	*7.1. Chứng khoán giao dịch*	*79.280.830.000*	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.043.940.000	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	58.401.950.000	-
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	16.834.940.000	-
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
056	*7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*	*70.000.000*	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	70.000.000	-
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-

060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	*7.3. Chứng khoán cầm cố*	*910.000.000*	-
062	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
063	7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	910.000.000	-
064	7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
065	7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
066	*7.4. Chứng khoán tạm giữ*	-	-
067	7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
068	7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	-
069	7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	-
070	7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
071	*7.5. Chứng khoán chờ thanh toán*	*412.000.000*	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	10.000.000	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	402.000.000	-
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-
076	*7.6. Chứng khoán phong toả chờ rút*	*2.853.000.000*	-
077	7.6.1. Chứng khoán phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
078	7.6.2. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	2.853.000.000	-
079	7.6.3. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
080	7.6.4. Chứng khoán phong toả chờ rút của tổ chức khác	-	-
081	*7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch*	-	-
082	**8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng**	**-**	**-**
083	**9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán**	**-**	**-**
084	**10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá**	**-**	**-**

Báo cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu**		**45.934.099.810**	**61.283.763.287**
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.571.702.154	22.320.664.519
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		13.563.238.027	25.383.861.662
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		57.080.904	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		560.182.000	868.544.724
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		138.680.195	-
01.7	Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác	19	22.043.216.530	12.710.692.382
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**45.934.099.810**	**61.283.763.287**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**20**	**(47.975.641.534)**	**(56.173.312.636)**
20	**5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**(2.041.541.724)**	**5.110.450.651**
25	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**21**	**(15.283.179.869)**	**(4.873.963.642)**
30	**7. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(17.324.721.593)**	**236.487.009**
31	**8. Thu nhập khác**		**225.836.297**	**-**
32	**9. Chi phí khác**		**-**	**(37.640.109)**
40	**10. Lợi nhuận/(lỗ) khác**		**225.836.297**	**(37.640.109)**
50	**11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận trước thuế**		**(17.098.885.296)**	**198.846.900**

51	**12. Thuế TNDN hiện hành**	22	-	536.999.431
52	**13. Thuế TNDN hoãn lại**		-	-
60	**14. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN**		(17.098.885.296)	735.846.331
70	**15. (Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu**	23.3	(570)	25

Báo cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế***		***(17.098.885.296)***	***198.846.900***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- - Khấu hao TSCĐ và phân bổ		4.486.363.292	4.858.717.213
03	- - Các khoản dự phòng	20, 21	7.857.612.398	18.453.227.840
04	- - (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- - Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.826.836.374)	(20.490.606.653)
06	- - Chi phí lãi vay		-	-
08	***3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***(32.581.745.980)***	***3.020.185.300***
09	- - Tăng các khoản phải thu		(3.899.548.725)	(119.795.578.417)
10	- - Giảm đầu tư ngắn hạn		21.958.709.325	14.454.352.609
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(20.056.648.356)	24.495.332.407
12	- - Giảm/(tăng) chi phí trả trước		(65.832.412)	(107.158.110)
13	- - Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.1	-	(1.876.582.605)
15	- - Tiền thu khác từ hoạt động		-	-

	kinh doanh			
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(764.171.520)	(819.400.726)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(35.409.237.668)**	**(80.628.849.542)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	11, 12	(176.159.600)	(2.546.872.602)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(12.138.284.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.826.836.374	20.490.606.653
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**15.512.392.774**	**17.943.734.051**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	10.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(10.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(24.464.678.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động**		**-**	**(24.464.678.000)**

	tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(19.896.844.894)	(87.149.793.491)
60	Tiền và các khoản tương đương đầu năm		171.151.927.977	258.301.721.468
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương cuối năm	4	151.255.083.083	171.151.927.977

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

Số tham chiếu: 60859557/15042493

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 42 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại	Võ Xuân Minh
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV	Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0923/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2012

VI. Các công ty có liên quan :

- Hiện nay trong cơ cấu cổ đông của Công ty không có cổ đông nào nắm giữ trên 50% vốn của Công ty.

- Công ty không nắm giữ hơn 50% vốn của các công ty khác.

VII. Tổ chức và nhân sự :

-Sơ đồ tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ CỦA CTY CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT

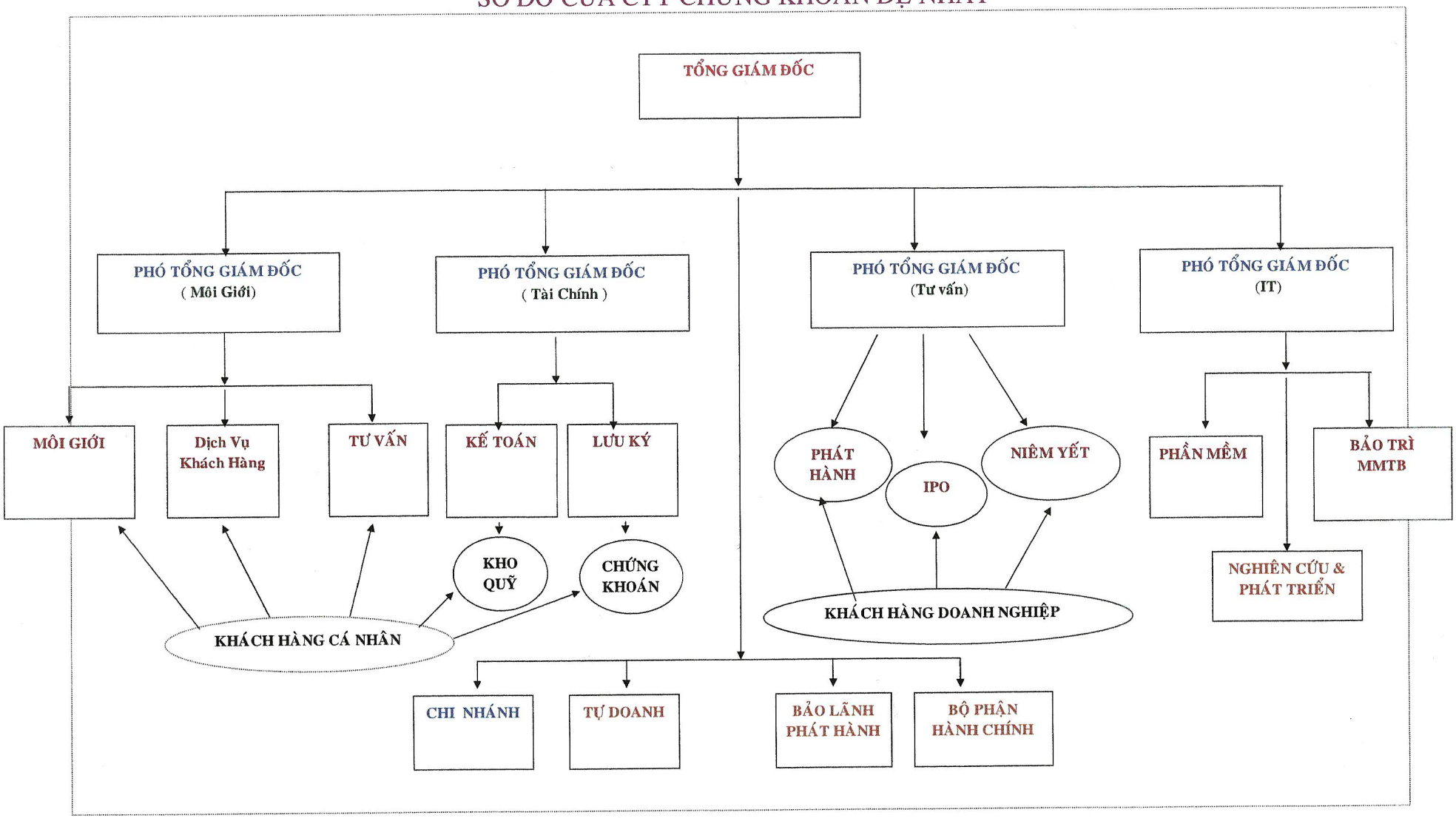

- Trong năm không có sự thay đổi nào về Tổng Giám Đốc

- Trong năm có sự thay đổi thành viên HĐQT : Ông Tsai Biing Hann từ nhiệm và bà Carol Chao Tse Yang được bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 02/08/2011.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Thu nhập của ban Tổng Giám Đốc gồm khoản lương cố định hàng tháng và phần lương tăng thêm được tính luỹ tiến theo hiệu quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế TN Doanh nghiệp) và các khoản thưởng lễ tết trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi

- Số lượng cán bộ, nhân viên : 63 người

VIII. Thông tin cổ đông và Ban Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Bùi Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2006
Bà Huỳnh Quế Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Dành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2006
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2006
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2007
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2008
Bà Carol Chao – Tse Yang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2011
Ông Tsai Biing Hann	Thành viên	Từ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2006
Bà Bùi Thị Hồng Tuyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2007

2-Ban Điều Hành :

Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thiện Thể	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010

- Toàn bộ các thành viên HĐQT – ngoại trừ Ông Trần Thiện Thể là Tổng Gíam Đốc điều hành – đều là thành viên HĐQT độc lập không làm việc tại Công Ty.

- Các thành viên trong ban kiểm soát đều làm việc và tham gia điều hành tại công ty.

-Thành viên ban Kiểm soát cũng đồng thời là trưởng ban Kiểm soát nội bộ tham gia giám sát toàn diện các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty .

- Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được cố định theo mức 4 triệu đồng / người / tháng .

- Các thành viên Hội đồng Quản Trị đa số là các cán bộ giữ vai trò chủ chốt tại các Doanh nghiệp Nhà nước , Cổ phần trong và ngoài nước nên đều có kiến thức về quản trị công ty

- Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2011 của các thành viên nêu trên :

STT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Ghi Chú
	Hội Đồng Quản Trị		
01	Bùi Văn Đức	145.000	CP phổ thông
02	Huỳnh Quế Hà	1.813.200	CP phổ thông
03	Trần Thiện Thể	300.000	CP phổ thông
	Ban kiểm soát		
01	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông
02	Bùi Thị Hồng Tuyến	3.000	CP phổ thông
	Ban Điều Hành		
01	Trần Thiện Thể	300.000	CP phổ thông
02	Chung Kim Hoa	57.000	CP phổ thông
03	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông
04	Huỳnh Thị Mai	13.500	CP phổ thông
05	Nguyễn Quốc Bảo	30.000	CP phổ thông

Trong toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm 2011, không phát sinh hợp đồng nào giữa Công Ty và các thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Điều hành .

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1. Cổ đông Nhà nước:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
1.	Cty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC)	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.		11.144.578	37,15%

2.2. Cổ đông sáng lập:

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
1	Cty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC)	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.		11.144.578	37,15%
2	Huỳnh Quế Hà	85 Hải Thượng Lãn Ông , Q5, TPHCM.		1.813.200	6.04%
Tổng cộng				**7.431.104**	**74,31%**

Tất cả các hạn chế chuyển nhượng cổ đông sáng lập đến ngày lập báo cáo đều đã hết thời hạn .

2.3. Cổ đông nước ngoài:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
2.	Yuanta Securities Asia FinancialServices LTD	Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton HM11, Bermuda		13.403.600	44,68%

Trong quá trình hoạt động, công ty gặp không ít khó khăn trong nghiệp vụ môi giới khi không có nguồn vốn lớn từ ngân hàng mẹ để tài trợ cho khách hàng (thông qua các hình thức cung cấp tín dụng , các hợp đồng hợp tác kinh doanh , giao dịch ký quỹ...vv...) nhằm cạnh tranh giành thị phần . Tuy nhiên qua tình hình thực tế trong năm 2011, với sự thua lỗ khủng trong hoạt động môi giới của các công ty chứng khoán có ngân hàng mẹ hỗ trợ đã góp phần khẳng định tiêu chí hoạt động của Công ty thời gian qua là đúng đắn .Mặt khác , quá trình cơ cấu lại các công ty chứng khoán đã và đang diễn ra là xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường . Vì vậy , để phát triển trong thời gian tới

Công ty luôn sẵn sàng đón nhận các đối tác phù hợp trong và ngoài nước sau khi được sự đồng thuận của cổ đông./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THIỆN THỂ